

\*

Số 437-KH/HU

Phong Thổ, ngày 01 tháng 7 năm 2024

**KẾ HOẠCH**

**tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014  
của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác  
tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

-----

Thực hiện Kế hoạch số 264-KH/TU, ngày 20/6/2024 của Tỉnh ủy Lai Châu về tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch tổng kết như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Đánh giá toàn diện kết quả, ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm sau 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW. Qua đó, kiến nghị, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới.

2. Việc tổng kết phải bám sát các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Chỉ thị số 35-CT/TW và thực tiễn tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo 10 năm qua; tiến hành nghiêm túc, khẩn trương theo đúng kế hoạch; bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí; nêu cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

**II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN TỔNG KẾT**

**1. Nội dung tổng kết**

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW.

1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Chỉ thị số 35-CT/TW, trọng tâm là:

- Việc quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích của người dân, nhất là trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, đầu tư, tài chính,...

- Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của người đứng đầu cấp uỷ, Chủ tịch UBND các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Công tác tiếp công dân và giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của các cơ quan chức năng (nội chính, kiểm tra, thanh tra, công an, kiểm sát, tòa án, thi hành án dân sự,...).

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài.

- Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc phát hiện, xử lý các sai phạm.

- Việc phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan thông tin, báo chí trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Việc củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1.3. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện Chỉ thị.

1.4. Đề xuất, kiến nghị những nhiệm vụ, giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng nhằm nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian tới.

*(có Đề cương báo cáo tổng kết kèm Kế hoạch)*

## **2. Phương pháp, thời gian tổng kết**

- Ban Tuyên giáo Huyện ủy, UBKT Huyện ủy, UBND huyện, các chi, đảng bộ cơ sở tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW bằng hình thức phù hợp, gửi báo cáo tổng kết về Huyện ủy *(qua Văn phòng Huyện ủy)* **trước ngày 15/7/2024.**

*Thời gian lấy số liệu tổng kết: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024.*

- Văn phòng Huyện ủy tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết của Huyện ủy thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, trình Thường trực ủy **trước ngày 18/7/2024.**

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Huyện ủy, UBKT Huyện ủy, UBND huyện, các chi, đảng bộ cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết Chỉ thị bảo đảm thời gian theo quy định.

2. Văn phòng Huyện ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Lãnh đạo UBND huyện,
- Các ban Đảng huyện,
- MTTQ và các đoàn thể huyện,
- Các chi, đảng bộ cơ sở,
- Lưu VPHU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**

**BÍ THƯ**



**Đình Quang Tuấn**



## **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

*(kèm theo Kế hoạch số 437-KH/TU, ngày 01/7/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy)*

-----

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Khái quát đặc điểm tình hình có liên quan; những thuận lợi, khó khăn trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo *(viết tắt là Chỉ thị số 35-CT/TW)* tại địa phương.

### **II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW**

- Việc phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị.

- Việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị *(nêu cụ thể số lượng, nội dung văn bản đã ban hành)*.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết đánh giá việc thực hiện Chỉ thị.

#### **2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị số 35-CT/TW**

1.1. Việc quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC) ở địa phương *(nêu cụ thể số văn bản của Đảng, Nhà nước đã được quán triệt, tổ chức thực hiện; nội dung, hình thức quán triệt, triển khai thực hiện; số lần, số đối tượng được quán triệt; tác dụng, hiệu quả; trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC)*.

1.2. Hoàn thiện thể chế về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và liên quan đến quyền, lợi ích của người dân, nhất là trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, đầu tư, tài chính,... Việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản về tiếp công dân, giải quyết KNTC của cấp ủy, HĐND, UBND các cấp; của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết KNTC; xây dựng quy chế đối thoại với dân, công khai kết quả giải quyết KNTC; chế tài xử lý vi phạm pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC;...

1.3. Trách nhiệm của người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng cơ quan nhà nước trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC

- Kết quả công tác tiếp công dân của Bí thư cấp ủy, Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phải tiếp công dân theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Kết quả công tác đối thoại với người dân, doanh nghiệp.

- Kết quả giải quyết KNTC, phản ánh, kiến nghị của người dân (*nêu rõ số vụ việc (đơn, thư) đã tiếp nhận, xử lý; số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết và kết quả giải quyết; số vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết đã chuyển cơ quan, người có thẩm quyền và lưu theo quy định; số vụ việc đang giải quyết; số vụ việc còn tồn đọng hiện nay;...*).

1.4. Kết quả tiếp công dân và giải quyết KNTC của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết KNTC (*Ủy ban Kiểm tra, Văn phòng Huyện ủy, Thanh tra, Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, Thi hành án dân sự*) theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong giải quyết KNTC.

1.5. Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC của HĐND các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương; việc thực hiện công tác hòa giải, đối thoại, vận động thuyết phục công dân chấm dứt KNTC không đúng, giảm thiểu các tranh chấp, KNTC từ cơ sở (*nêu cụ thể số lượng, tóm tắt nội dung, kết quả đạt được*).

1.6. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp xử lý, giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài (*nêu rõ số vụ việc đã được xử lý, giải quyết/tổng số vụ; số vụ việc còn tồn đọng hiện nay, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân;..*).

1.7. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra của các cơ quan, đơn vị chức năng, HĐND các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC; việc phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và những hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ, quyền KNTC để cố ý vi phạm pháp luật.

1.8. Kết quả phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan thông tin báo chí trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC.

1.9. Kết quả kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân và tham mưu giải quyết KNTC; bố trí trụ sở, trang bị phương tiện và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC ở địa phương (*thống kê cụ thể số cán bộ, công chức làm công tác này ở các cấp; đánh giá chất lượng, mức độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao*).

(*Có các biểu số liệu kèm Đề cương báo cáo*)

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

Đánh giá chung về những ưu điểm, kết quả đạt được trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về tiếp công dân, giải quyết KNTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW tại địa phương.

## **2. Hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm**

2.1. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị số 35-CT/TW (*nêu rõ những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chưa hiệu quả; vướng mắc, bất cập của cơ chế, chính sách, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan*)

2.2. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc

2.3. Bài học kinh nghiệm

**3. Những vấn đề đặt ra đối với công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trong tình hình mới cần quan tâm giải quyết** (*nêu rõ những vấn đề phát sinh đang đặt ra cho công tác tiếp dân, giải quyết KNTC; nhất là trong tổ chức đối thoại với người dân, giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài*)

## **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI**

1. Nhiệm vụ, giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, những vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

2. Nhiệm vụ, giải pháp giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài, tiềm ẩn nguy cơ thành điểm nóng, gây mất an ninh, trật tự, dễ bị các thế lực thù địch, phản động, cơ hội lợi dụng chống phá.

3. Nhiệm vụ, giải pháp để tăng cường lãnh đạo của Đảng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC.

4. Nhiệm vụ, giải pháp khác (nếu có).

## **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Kiến nghị, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Chỉ thị số 35-CT/TW (*nếu có*); đề xuất ban hành Kết luận hay Chỉ thị mới thay thế Chỉ thị số 35-CT/TW.

2. Kiến nghị, đề xuất các biện pháp, giải pháp mới nhằm thực hiện tốt hơn nữa công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trong tình hình mới.

3. Kiến nghị, đề xuất về hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC.

4. Kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền chỉ đạo giải quyết những vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài, xử lý chưa dứt điểm của địa phương; các vụ việc có nguy cơ tạo “điểm nóng” về an ninh, trật tự (*nếu có*).

5. Kiến nghị, đề xuất khác (*nếu có*).

## **Lưu ý:**

1. Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 30/6/2024.

2. Về số liệu tổng hợp báo cáo tổng kết, để bảo đảm đầy đủ, tránh chồng chéo, yêu cầu:

- UBND huyện báo cáo đầy đủ số liệu thanh tra, thi hành án do Thanh tra huyện và cơ quan thi hành án dân sự huyện thực hiện.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện, Tòa án nhân dân huyện báo cáo đầy đủ số liệu do cơ quan viện kiểm sát, tòa án nhân dân thực hiện.
- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy báo cáo số liệu kết quả công tác tiếp dân, giải quyết KNTC, kiểm tra, giám sát của Ủy ban kiểm tra các cấp theo Phụ lục 04.
- Đảng ủy Công an huyện báo cáo số liệu kết quả thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW của Công an các cấp (huyện, xã) theo Phụ lục số 08.



**Thống kê số liệu kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác tiếp công dân,  
giải quyết KNTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW</b>			
1.1	<i>Công tác phổ biến, quán triệt</i>			
	Số văn bản đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC <sup>(1)</sup>	văn bản		
	Số văn bản của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC đã được quán triệt, tổ chức thực hiện	văn bản		
	Số cuộc/lượt người được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	cuộc/lượt người		
1.2	<i>Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cấp ủy về việc thực hiện Chỉ thị</i>			
	Số cuộc kiểm tra, giám sát	cuộc		
	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra, giám sát	cơ quan, đơn vị		
<b>2.</b>	<b>Công tác xây dựng, ban hành văn bản cụ thể hóa công tác tiếp dân, giải quyết KNTC và liên quan đến quyền và lợi ích của người dân</b>			
	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới của cấp ủy (cấp, huyện, xã)	văn bản		
	Số văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới của HĐND, UBND các cấp	văn bản		

<sup>(1)</sup> Kèm Danh mục văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
	Số văn bản cá biệt của HĐND, UBND các cấp và cơ quan, tổ chức có liên	văn bản		
	Số quy chế, quy trình, quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC được ban hành trong kỳ báo cáo	văn bản		
<b>3</b>	<b>Kết quả tiếp công dân, giải quyết KNTC của người đứng đầu theo Chỉ thị số 35-CT/TW</b>			
3.1	<i>Kết quả tiếp công dân của người đứng đầu</i>			
	Số cuộc/lượt tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy	Định kỳ	cuộc/lượt người	Nêu rõ tên cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp công dân
		Đột xuất	cuộc/lượt người	
	Số văn bản đã ban hành sau tiếp dân	văn bản		
	Số vụ việc đã được giải quyết dứt điểm sau tiếp dân	vụ		
	Số vụ việc chưa được giải quyết hoặc còn KNTC	vụ		
3.2	<i>Kết quả giải quyết KNTC của người đứng đầu</i>			
	Số vụ việc (đơn, thư) KNTC thuộc thẩm quyền giải quyết/tổng số vụ việc đã tiếp nhận, thụ lý	Số đơn khiếu nại	vụ/vụ	
		Số đơn tố cáo	vụ/vụ	
		Số đơn phản ánh, kiến nghị	vụ/vụ	
	Số vụ KNTC thuộc thẩm quyền đã xử lý, giải quyết xong, không còn phản ánh, kiến nghị, KNTC	vụ (tỷ lệ %)		
	Số vụ KNTC thuộc thẩm quyền đã xử lý, giải quyết nhưng vẫn còn phản ánh, kiến nghị, KNTC	vụ (tỷ lệ %)		nêu rõ lý do

TT	Nội dung		Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
	Số vụ KNTC thuộc thẩm quyền đang xử lý, giải quyết		vụ (tỷ lệ %)		
	Số tập thể, cá nhân có sai phạm bị kiến nghị xử lý	Số tập thể, cá nhân có sai phạm bị kiến nghị xử lý	tập thể/cá nhân		
	Kết quả phát hiện, xử lý các sai phạm qua giải quyết KNTC	Số vụ việc chuyển cơ quan điều tra xem xét xử lý	tập thể/cá nhân		
		Số tài sản đã kiến nghị thu hồi cho nhà nước	tiền/ha đất		
		Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
		Số đơn trả lại và hướng dẫn công dân gửi đến cơ quan có thẩm quyền	đơn		
3.2.2	Số vụ việc (đơn, thư) KNTC không thuộc thẩm quyền đã chỉ đạo xử lý, giải quyết	Số đơn thư do đơn trùng lặp, không rõ địa chỉ, mạo danh, nặc danh	đơn		
		Số văn bản đã phát hành đơn đốc việc giải quyết	đơn		
3.3	<i>Kết quả tiếp xúc đối thoại với người dân, doanh nghiệp của người đứng đầu</i>				
	Số cuộc tiếp xúc, đối thoại của người đứng đầu cấp ủy	Huyện	cuộc		
		Xã	cuộc		
	Số cuộc tiếp xúc, đối thoại của Chủ tịch UBND các cấp	Huyện	cuộc		
		Xã	cuộc		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú												
	Kết quả xử lý những phản ánh, kiến nghị của người dân sau tiếp xúc, đối thoại <table border="1" data-bbox="1204 840 1364 1365"> <tr> <td data-bbox="1316 840 1364 1365">Đã xử lý dứt điểm</td> <td data-bbox="1316 1365 1364 1638">vụ</td> <td data-bbox="1316 1638 1364 1801"></td> <td data-bbox="1316 1801 1364 2063"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="1204 840 1316 1365">Số vụ việc còn tồn đọng, đang giải quyết</td> <td data-bbox="1204 1365 1316 1638">vụ</td> <td data-bbox="1204 1638 1316 1801"></td> <td data-bbox="1204 1801 1316 2063">nêu rõ lý do</td> </tr> </table>	Đã xử lý dứt điểm	vụ			Số vụ việc còn tồn đọng, đang giải quyết	vụ		nêu rõ lý do							
Đã xử lý dứt điểm	vụ															
Số vụ việc còn tồn đọng, đang giải quyết	vụ		nêu rõ lý do													
4	<b>Kết quả tiếp công dân, giải quyết KNNTC của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết KNNTC (Đề nghị tổng hợp từ các biểu mẫu thống kê kèm theo các phụ lục số 2,3,4,5,6,7,8,9,10)</b>															
5	<b>Kết quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra công tác tiếp công dân, giải quyết KNNTC</b>															
5.1	<i>Kết quả công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp</i> <table border="1" data-bbox="845 840 973 1365"> <tr> <td data-bbox="917 840 973 1365">Số cuộc kiểm tra, giám sát</td> <td data-bbox="917 1365 973 1638">cuộc</td> <td data-bbox="917 1638 973 1801"></td> <td data-bbox="917 1801 973 2063"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="845 840 917 1365"></td> <td data-bbox="845 1365 917 1638">tổ chức đảng/dảng viên</td> <td data-bbox="845 1638 917 1801"></td> <td data-bbox="845 1801 917 2063"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="845 840 917 1365"></td> <td data-bbox="845 1365 917 1638">người (tỷ lệ %)</td> <td data-bbox="845 1638 917 1801"></td> <td data-bbox="845 1801 917 2063"></td> </tr> </table>	Số cuộc kiểm tra, giám sát	cuộc				tổ chức đảng/dảng viên				người (tỷ lệ %)					
Số cuộc kiểm tra, giám sát	cuộc															
	tổ chức đảng/dảng viên															
	người (tỷ lệ %)															
	Số tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra, giám sát															
	Số tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNNTC															
	Số đảng viên bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNNTC qua kiểm tra, giám sát															
	Số vụ việc, đối tượng chuyển cơ quan điều tra xem xét, xử lý theo pháp luật															
5.2	<i>Kết quả công tác thanh tra của Thanh tra cấp huyện</i> <table border="1" data-bbox="303 840 422 1365"> <tr> <td data-bbox="375 840 422 1365">Số cuộc/đối tượng thanh tra</td> <td data-bbox="375 1365 422 1638">cuộc/đối tượng</td> <td data-bbox="375 1638 422 1801"></td> <td data-bbox="375 1801 422 2063"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="303 840 375 1365"></td> <td data-bbox="303 1365 375 1638">theo kế hoạch</td> <td data-bbox="303 1638 375 1801"></td> <td data-bbox="303 1801 375 2063"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="303 840 375 1365"></td> <td data-bbox="303 1365 375 1638">Đột xuất</td> <td data-bbox="303 1638 375 1801"></td> <td data-bbox="303 1801 375 2063"></td> </tr> </table>	Số cuộc/đối tượng thanh tra	cuộc/đối tượng				theo kế hoạch				Đột xuất					
Số cuộc/đối tượng thanh tra	cuộc/đối tượng															
	theo kế hoạch															
	Đột xuất															
	Số cuộc đã ban hành kết luận thanh tra															
	Số tập thể, cá nhân bị kiến nghị xử lý trách nhiệm qua thanh tra	tập thể/cá nhân														

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
	Số vụ việc, đối tượng chuyên cơ quan điều tra, Ủy ban kiểm tra xem xét, xử lý theo quy định	vụ/đối tượng		
5.3	<i>Kết quả giám sát công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC của HĐND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội</i>			
	Số cuộc giám sát của HĐND các cấp (huyện, xã)	cuộc		
	Số cuộc giám sát phát hiện có vi phạm, kiến nghị xử lý vi phạm	cuộc		
	Số tập thể, cá nhân bị kiến nghị xử lý vi phạm qua giám sát	tập thể/cá nhân		
	Số cuộc giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội	cuộc		
	Số cuộc giám sát phát hiện có vi phạm, kiến nghị xử lý vi phạm	cuộc		
	Số tập thể, cá nhân bị kiến nghị xử lý vi phạm qua giám sát	tập thể/cá nhân		
5.4	<i>Kết quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra của các cơ quan, đơn vị khác (Tổng hợp cụ thể từ Báo cáo của các cơ quan, đơn vị chức năng)</i>	cuộc		
	Số tập thể, cá nhân bị xử lý, kiến nghị xử lý vi phạm trong công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	tập thể/cá nhân		
5.5	<i>Số cá nhân bị xử lý về hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ, quyền KNTC để có ý vi phạm pháp luật</i>	cá nhân		
<b>6</b>	<b>Kết quả xây dựng đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất</b>			
6.1	<i>Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân và tham mưu giải quyết KNTC</i>			
	Số cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân và tham mưu giải quyết KNTC	Kiểm nhiệm	người	
		Chuyên trách	người	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
	<p>Trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực của cán bộ, công chức hiện nay</p>	<p>Đã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</p> <p>Chưa được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</p> <p>Mức độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao</p>	<p>người (tỷ lệ %)</p> <p>người (tỷ lệ %)</p> <p>người (tỷ lệ %)</p>	<p></p> <p><i>nêu rõ lý do</i></p> <p><i>nêu rõ lý do</i></p>
6.2	<p><i>Trụ sở tiếp dân</i></p>	<p>Bố trí trụ sở (phòng) tiếp công dân riêng biệt</p>	<p>Huyện</p> <p>Xã</p>	<p>Trụ sở (phòng) riêng</p> <p>Trụ sở (phòng) riêng</p>
		<p>Bố trí trụ sở (phòng) tiếp công dân trong khu hành chính chung</p>	<p>Huyện</p> <p>Xã</p>	<p>Trụ sở (phòng) chung</p> <p>Trụ sở (phòng) chung</p>



Phụ lục số 02

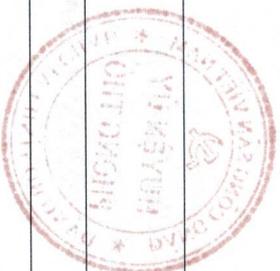
Kết quả giải quyết các vụ việc KNTC đồng người, phức tạp, kéo dài của người đứng đầu cấp ủy và các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết KNTC

I. Số vụ việc KNTC đồng người, phức tạp, kéo dài thuộc thẩm quyền đã chỉ đạo xử lý giải quyết xong, không còn KNTC

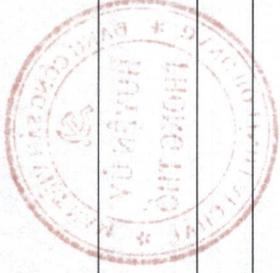
STT	Tên vụ việc	Kết quả		Ghi chú
		Năm phát sinh	Năm giải quyết xong	
1	Vụ A - Tóm tắt nội dung - Kết quả giải quyết			
2	Vụ B - Tóm tắt nội dung - Kết quả giải quyết			
3	Vụ C - Tóm tắt nội dung - Kết quả giải quyết			
	Tổng số vụ/người			

II. Số vụ việc KNTC đồng người, phức tạp, kéo dài đã được chỉ đạo giải quyết, nhưng vẫn còn KNTC

STT	Nội dung	Năm phát sinh	Tóm tắt kết quả đã giải quyết	Tóm tắt nội dung còn KNTC
1	Vụ việc KNTC đã được lãnh đạo Trung ương chỉ đạo giải quyết nhưng trong quá trình thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc, công dân vẫn còn tiếp tục KNTC			



STT	Nội dung	Năm phát sinh	Tóm tắt kết quả đã giải quyết	Tóm tắt nội dung còn KNTC
1.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
1.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
1.3	Vụ C (tóm tắt nội dung)			
Cộng	Tổng số vụ/người			
2	Vụ việc khiếu nại đã được cấp uỷ, chính quyền địa phương chỉ đạo giải quyết đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật nhưng công dân vẫn tiếp tục khiếu nại			
2.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
2.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
2.3	Vụ C (tóm tắt nội dung)			
Cộng	Tổng số vụ/người			
3	Vụ việc tố cáo đã được cấp uỷ, chính quyền địa phương chỉ đạo giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng công dân vẫn tiếp tục tố cáo			
3.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
3.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
3.3	Vụ C (tóm tắt nội dung)			
	Tổng số vụ/người			
4	Vụ việc KNTC đồng người hoặc đơn lẻ nhưng người KNTC có những hành vi quá khích, vi phạm pháp luật hoặc bị kẻ xấu xúi giục, kích động gây ảnh hưởng			



STT	Nội dung	Năm phát sinh	Tóm tắt kết quả đã giải quyết	Tóm tắt nội dung còn KNTC
4.1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
4.2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
Cộng	<b>Tổng số vụ/người</b>			

### III. Số vụ việc KNTC đồng người, phức tạp, kéo dài mới phát sinh

STT	Tóm tắt nội dung vụ việc	Thời gian thụ lý	Tóm tắt kết quả đã giải quyết	Ghi chú
1	Vụ A (tóm tắt nội dung)			
2	Vụ B (tóm tắt nội dung)			
3	Vụ C (tóm tắt nội dung)			
Cộng	<b>Tổng số vụ/người</b>			

**Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết KNTC và tham mưu giải quyết KNTC của Văn phòng Huyện ủy**



TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công tác phối hợp tiếp công dân</b>			
<b>1</b>	Số cuộc tiếp định kỳ	cuộc		
<b>2</b>	Số cuộc tiếp đột xuất	cuộc		
<b>3</b>	Số lượt người đã tiếp	lượt		
<b>4</b>	Số vụ việc đã tiếp	vụ		
<b>5</b>	Số đoàn đồng người đã tiếp	đoàn		
<b>6</b>	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	cuộc		
<b>7</b>	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết dứt điểm sau đối thoại	vụ		
<b>8</b>	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo, nhưng vẫn còn khiếu nại, tố cáo	vụ		<i>nêu rõ lý do</i>
<b>II</b>	<b>Kết quả xử lý, giải quyết hoặc tham mưu xử lý, giải quyết KNTC liên quan đến quản lý hành chính nhà nước</b>			
<b>1</b>	<b>Tổng số đơn đã tiếp nhận</b>			
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
<b>2</b>	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</b>			
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Số đơn lưu	đơn		



TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
	Số đơn trả lại và hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Số đơn chưa xử lý	đơn		
<b>3</b>	<b>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</b>			
	Số đơn đã giải quyết xong, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		
	Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		nêu rõ lý do
	Số đơn chưa giải quyết	đơn		nêu rõ lý do
<b>4</b>	<b>Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài</b>			
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết dứt điểm	vụ		
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết nhưng vẫn còn KNTC	vụ		nêu rõ lý do
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật chưa được thực hiện	văn bản		nêu rõ lý do
<b>5</b>	<b>Kết quả phát hiện, xử lý sai phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</b>			
	Số tập thể đã bị xử lý (kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính)	tập thể		
	Số cá nhân đã bị xử lý (kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính, xử lý hình sự)	người		
	Số tập thể, cá nhân có sai phạm, chưa xử lý	tập thể/cá nhân		nêu rõ lý do

Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết KNTC, kiểm tra, giám sát của Ủy ban kiểm tra các cấp

(Áp dụng với Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy)



TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC theo thẩm quyền của UBND cấp huyện</b>			
1	Số cuộc tiếp định kỳ	cuộc		
2	Số cuộc tiếp đột xuất	cuộc		
3	Số lượt người đã tiếp	lượt		
4	Số vụ việc đã tiếp	vụ		
5	Số đoàn đồng người đã tiếp	đoàn		
6	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	cuộc		
7	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người khiếu nại, tố cáo	vụ		
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo, nhưng vẫn còn khiếu nại, tố cáo	vụ		nêu rõ lý do
<b>II</b>	<b>Kết quả giải quyết hoặc chỉ đạo giải quyết KNTC đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc thẩm quyền</b>			
<b>1</b>	<b>Tổng số đơn đã tiếp nhận</b>			
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
<b>2</b>	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</b>			
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Số đơn lưu	đơn		

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Số đơn chưa xử lý	đơn		nêu rõ lý do
3	<b>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</b>			
	Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		
	Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		nêu rõ lý do
	Số đơn chưa giải quyết	đơn		nêu rõ lý do
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết dứt điểm	vụ		
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết, những vẫn còn KNTC	vụ		nêu rõ lý do
	Số quyết định, kết luận về giải quyết KNTC có hiệu lực pháp luật đã được thực hiện	văn bản		
	Số quyết định, kết luận về giải quyết KNTC có hiệu lực pháp luật chưa được thực hiện	văn bản		nêu rõ lý do
4	<b>Kết quả phát hiện, xử lý vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên được phát hiện vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</b>			
	Số tổ chức đảng đã bị xử lý kỷ luật	tổ chức đảng		
	Số đảng viên đã bị xử lý kỷ luật	đảng viên		
	Số tập thể, cá nhân có sai phạm, chưa xử lý	tập thể/ cá nhân		nêu rõ lý do
III	<b>Kết quả kiểm tra, giám sát</b>	đơn		
	Theo kế hoạch	cuộc		
		cuộc		
	Đột xuất			

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
	Số tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra, giám sát	tổ chức đảng/đảng viên		
	Số tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC	tổ chức đảng (tỷ lệ %)		
	Số đảng viên bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về công tác tiếp dân, giải quyết KNTC qua kiểm tra, giám sát	người (tỷ lệ %)		
	Số vụ việc, đối tượng chuyển cơ quan điều tra xem xét, xử lý theo pháp luật	vụ/người		

**Kết quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thanh tra trách nhiệm hành chính của Thanh tra cấp huyện**



*(Áp dụng đối với UBND huyện)*

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công tác tiếp công dân</b>			
1	Số cuộc tiếp định kỳ	cuộc		
2	Số cuộc tiếp đột xuất	cuộc		
3	Số lượt người đã tiếp	lượt		
4	Số vụ việc đã tiếp	vụ		
5	Số đoàn đông người đã tiếp	đoàn		
6	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	cuộc		
7	Số vụ việc KNTC đã được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người KNTC	vụ		
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người KNTC, nhưng vẫn còn KNTC	vụ		nêu rõ lý do
<b>II</b>	<b>Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết KNTC</b>			
1	<b>Tổng số đơn đã tiếp nhận</b>			
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
2	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</b>			
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Số đơn lưu	đơn		



TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Số đơn chưa xử lý	đơn		
3	<b>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</b>			
	Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		
	Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		
	Số đơn chưa giải quyết	đơn		
	Số vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết dứt điểm	vụ		
	Số vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết nhưng vẫn còn	vụ		nêu rõ lý do
	Số quyết định, kết luận về giải quyết KNTC có hiệu lực pháp luật chưa được thực hiện	quyết định, kết luận		nêu rõ lý do
III	<b>Kết quả phát hiện, xử lý những sai phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</b>			
	Số tập thể, cá nhân phát hiện có sai phạm qua tiếp dân, giải quyết KNTC đã kiến nghị xử lý	tập thể/cá nhân		
	Số tập thể, cá nhân đã bị xử lý	tập thể/cá nhân		
	Số tập thể, cá nhân đang xem xét xử lý	tập thể/cá nhân		
IV	<b>Kết quả thanh tra trách nhiệm hành chính về tiếp công dân, giải quyết KNTC</b>			
1	Số cuộc thanh tra	Theo kế hoạch	cuộc	
		Đợt xuất	cuộc	



TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
2	Kết quả ban hành kết luận thanh tra	cuộc		
3	Kết quả thực hiện kết luận thanh tra	cuộc		nêu rõ lý do
4	Số tập thể, cá nhân phát hiện có sai phạm qua thanh tra	tập thể/cá nhân		
V	Số đơn khiếu nại, tố cáo xử lý lòng vòng, không rõ trách nhiệm	tập thể/cá nhân		nêu rõ lý do

**Kết quả thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW  
của Viện kiểm sát nhân dân huyện**



(Áp dụng với: Viện kiểm sát nhân dân huyện)

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công tác tiếp công dân</b>			
1	Số cuộc tiếp định kỳ	cuộc		
2	Số cuộc tiếp đột xuất	cuộc		
3	Số lượt người đã tiếp	lượt		
4	Số vụ việc đã tiếp	vụ		
5	Số đoàn đồng người đã tiếp	đoàn		
6	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	cuộc		
7	Số vụ việc KNTC đã được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người KNTC	vụ		
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người KNTC, nhưng vẫn còn KNTC	vụ		nêu rõ lý do
<b>II</b>	<b>Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết KNTC</b>			
1	<b>Tổng số đơn đã tiếp nhận</b>			
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
2	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân</b>			

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Số đơn lưu	đơn		
	Số đơn trả lại và hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Số đơn chưa xử lý	đơn		
	Số đơn thuộc trách nhiệm kiểm sát của Viện kiểm sát	đơn		
	Số đơn không đủ điều kiện để xử lý, giải quyết	đơn		
3	<b>Kết quả giải quyết đơn KNKC thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND</b>			
	Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		
	Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		
	Số đơn chưa giải quyết	đơn		
	Số vụ việc KNKC đông người, phức tạp, kéo dài được giải quyết dứt điểm	vụ		
	Số vụ việc KNKC đông người, phức tạp, kéo dài chưa được giải quyết dứt điểm	vụ		nêu rõ lý do
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật đã được thực hiện	quyết định, kết luận		
	Số quyết định, kết luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật chưa được thực hiện	quyết định, kết luận		nêu rõ lý do
III	<b>Kết quả xử lý, giải quyết các vụ việc KNKC phức tạp, có dấu hiệu oan sai, dư luận xã hội quan tâm</b>			

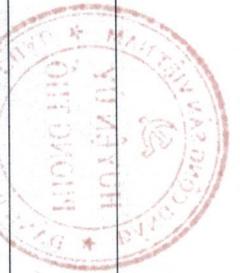
TT		Diễn giải		Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
1	Số vụ việc đã thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền			vụ		
2	Số vụ việc chưa thụ lý, giải quyết			vụ		nêu rõ lý do
3	Số vụ việc KNTC phức tạp, dư luận xã hội quan tâm đã chỉ đạo xử lý, giải quyết xong			vụ		
4	Số vụ việc phát hiện có dấu hiệu oan sai đã chỉ đạo xử lý giải quyết xong	Số vụ việc bị kết án oan		vụ		
		Số người bị kết án oan		người		
5	Số vụ việc có dấu hiệu oan sai đang chỉ đạo xử lý, giải quyết			vụ		
IV	<b>Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</b>					
V	<b>Kết quả Kiểm sát việc giải quyết KNTC trong hoạt động tư pháp</b>					



**Kết quả thực hiện tiếp công dân, giải quyết KNTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW  
của Tòa án nhân dân huyện**

(Áp dụng với: Tòa án nhân dân huyện)

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công tác tiếp công dân</b>			
1	Số cuộc tiếp định kỳ	cuộc		
2	Số cuộc tiếp đột xuất	cuộc		
3	Số lượt người đã tiếp	lượt		
4	Số vụ việc đã tiếp	vụ		
5	Số đoàn đồng người đã tiếp	đoàn		
6	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	cuộc		
7	Số vụ việc KNTC được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người KNTC	vụ		
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người KNTC, nhưng vẫn còn KNTC	vụ		nêu rõ lý do
<b>II</b>	<b>Kết quả xử lý, giải quyết các vụ việc khiếu kiện hành chính</b>			
1	Số vụ việc đã thụ lý, giải quyết	vụ		
2	Số vụ việc đang xử lý, giải quyết	vụ		
3	Số vụ việc chưa xử lý, giải quyết	vụ		
4	Tổng số bản án hành chính có hiệu lực pháp luật	bản án		



TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
5	Số bản án hành chính có hiệu lực pháp luật đã được thi hành	bản án		
6	Số bản án hành chính có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành	bản án		nêu rõ lý do
III	<b>Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết KNTC (Khiếu nại hành chính, khiếu nại trong hoạt động tư pháp, tố cáo, tố giác và tin báo tội phạm)</b>			
1	<b>Tổng số đơn đã tiếp nhận</b>			
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
2	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</b>			
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Số đơn lưu	đơn		
	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Số đơn chưa xử lý	đơn		
3	<b>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</b>			
	Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		
	Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		nêu rõ lý do
	Số đơn chưa giải quyết	đơn		
	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài được giải quyết dứt điểm	vụ		
	Số vụ việc KNTC đồng người, phức tạp, kéo dài chưa được giải quyết dứt điểm	vụ		nêu rõ lý do
	Số quyết định, kết luận về giải quyết KNTC có hiệu lực pháp luật đã được thực hiện	quyết định, kết luận		



TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
	Số quyết định, kết luận về giải quyết KNTC có hiệu lực pháp luật chưa được thực hiện	quyết định, kết luận		nêu rõ lý do
<b>IV</b>	<b>Kết quả xử lý, giải quyết các vụ việc phức tạp, có dấu hiệu oan sai, dư luận xã hội quan tâm</b>			
<b>1</b>	Số vụ việc đã thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền	vụ		
<b>2</b>	Số vụ việc chưa thụ lý, giải quyết	vụ		nêu rõ lý do
<b>3</b>	Số vụ việc KNTC phức tạp, dư luận xã hội quan tâm đã chỉ đạo xử lý, giải quyết xong	vụ		
<b>4</b>	Số vụ việc phát hiện có dấu hiệu oan sai đã chỉ đạo xử lý giải quyết xong			
		Số vụ việc bị kết án oan		
	Số người bị kết án oan	người		
<b>5</b>	Số vụ việc có dấu hiệu oan sai đang chỉ đạo xử lý, giải quyết	vụ		
<b>V</b>	<b>Số đơn KNTC xử lý lòng vòng, không rõ trách nhiệm</b>			nêu rõ lý do

**Kết quả thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNKTC theo Chỉ thị số 35-CT/TW  
của Công an các cấp (huyện, xã)**



(Áp dụng với: Đảng ủy Công an huyện)

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
I	<b>Công tác tiếp công dân thuộc thẩm quyền của Công an huyện, xã</b>			
1	Số cuộc tiếp định kỳ	cuộc		
2	Số cuộc tiếp đột xuất	cuộc		
3	Số lượt người đã tiếp	lượt		
4	Số vụ việc đã tiếp	vụ		
5	Số đoàn đông người đã tiếp	đoàn		
6	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	cuộc		
7	Số vụ việc KNKTC được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người KNKTC	vụ		
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người KNKTC, nhưng vẫn còn KNKTC	vụ		<i>nêu rõ lý do</i>
II	<b>Kết quả giải quyết đơn KNKTC của công an huyện, xã</b>			
1	<b>Tổng số đơn đã tiếp nhận</b>			
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		

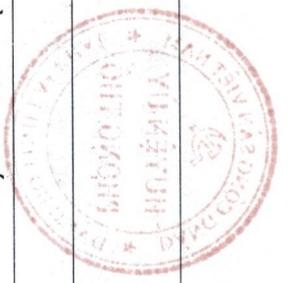
TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
2	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</b> Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết Số đơn lưu Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết Số đơn chưa xử lý	đơn đơn đơn đơn		nêu rõ lý do
3	<b>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</b> Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh Số đơn đã giải quyết, còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh Số đơn chưa giải quyết	đơn đơn đơn		nêu rõ lý do
	Số vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài được giải quyết dứt điểm	vụ		
	Số vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài chưa được giải quyết dứt điểm	vụ		nêu rõ lý do
	Số quyết định, kết luận về giải quyết KNTC có hiệu lực pháp luật đã được thực hiện	văn bản		
	Số quyết định, kết luận về giải quyết KNTC có hiệu lực pháp luật chưa được thực hiện	văn bản		nêu rõ lý do
III	<b>Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</b> Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý đối với tổ chức vi phạm Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý đối với cá nhân vi phạm	tổ chức cá nhân		
IV	<b>Kết quả xử lý vi phạm pháp luật trong các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài; lợi dụng tình hình khiếu kiện đông người để chống phá</b>			

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
1	Số vụ việc vi phạm pháp luật hình sự	vụ		
2	Số đối tượng vi phạm bị xử lý hình sự	đối tượng		
3	Số vụ việc vi phạm bị xử lý hành chính	vụ		
3	Số đối tượng vi phạm bị xử lý hành chính	đối tượng		
4	Trường hợp khác (nếu có)			
V	<b>Kết quả nắm tình hình, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền đấu tranh, ngăn chặn việc lợi dụng tình hình khiếu kiện để chống phá Đảng và Nhà nước</b>			
1	Số vụ việc đang được cơ quan chức năng theo dõi, nắm tình hình	vụ việc		
2	Số đối tượng có biểu hiện vi phạm thuộc diện quản lý, giáo dục, răn đe	đối tượng		
3	Số đối tượng có dấu hiệu vi phạm đang bị lập hồ sơ đề nghị xử lý	đối tượng		
4	Trường hợp khác (nếu có)			
VI	Số vụ việc làm mất an ninh, trật tự tại trụ sở tiếp công dân đã bị xử lý	vụ việc/ đối tượng		
VII	Số vụ việc nhiều người liên kết lên Trung ương khiếu kiện đã bị xử lý	vụ việc/ đối tượng		



**Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC của Cơ quan Thi hành án dân sự**  
(Áp dụng với Ủy ban nhân dân huyện)

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công tác tiếp công dân</b>			
1	Số cuộc tiếp định kỳ	cuộc		
2	Số cuộc tiếp đột xuất	cuộc		
3	Số lượt người đã tiếp	lượt		
4	Số vụ việc đã tiếp	vụ		
5	Số đoàn đông người đã tiếp	đoàn		
6	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	cuộc		
7	Số vụ việc KNTC được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người KNTC	vụ		
8	Số vụ việc sau khi tổ chức đối thoại với người KNTC, nhưng vẫn còn KNTC	vụ		nêu rõ lý do
<b>II</b>	<b>Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết KNTC liên quan đến quản lý hành chính nhà nước</b>			
1	<b>Tổng số đơn đã tiếp nhận</b>			
	Thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Không thuộc thẩm quyền giải quyết	đơn		
2	<b>Kết quả xử lý đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết</b>			
	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		



TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
	Số đơn lưu	đơn		
	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
	Số đơn chưa xử lý	đơn		
3	<b>Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền</b>			
	Số đơn đã giải quyết, không còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		
	Số đơn đã giải quyết, vẫn còn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	đơn		nêu rõ lý do
	Số đơn chưa giải quyết	đơn		
	Số vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài được giải quyết dứt điểm	vụ		
	Số vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài chưa được giải quyết dứt điểm	vụ		nêu rõ lý do
	Số quyết định, kết luận về giải quyết KNTC có hiệu lực pháp luật đã được thực hiện	văn bản		
	Số quyết định, kết luận về giải quyết KNTC có hiệu lực pháp luật chưa được thực	văn bản		nêu rõ lý do
III	<b>Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</b>			



**Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết KNTC của Hội đồng nhân dân,  
Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương**

(Áp dụng với: HĐND huyện, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội)

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kết quả công tác công dân, giải quyết KNTC của Hội đồng nhân dân các cấp</b>			
<b>1</b>	<b>Công tác tiếp công dân</b>			
1.1	Số cuộc tiếp định kỳ	cuộc		
1.2	Số cuộc tiếp đột xuất	cuộc		
1.2	Số lượt người đã tiếp	lượt		
1.3	Số vụ việc đã tiếp	vụ		
1.4	Số đoàn đông người đã tiếp	đoàn		
1.5	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	cuộc		
1.6	Số vụ việc KNTC được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người KNTC	vụ		
1.7	Số vụ việc KNTC đã được chỉ đạo giải quyết nhưng vẫn còn KNTC	vụ		nêu rõ lý do
<b>2</b>	<b>Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết KNTC</b>			
2.1	Tổng số đơn đã tiếp nhận	đơn		
2.2	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
2.3	Số đơn lưu do có nội dung trùng lặp, đơn nặc danh, mạo danh, đơn đã có ý kiến trả lời của cơ quan chức năng,...	đơn		

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
2.4	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
2.5	Số đơn chưa xử lý	đơn		nêu rõ lý do
2.6	Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền			
3	<b>Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNNTC</b>	tổ chức		
	Số tổ chức vi phạm bị xử lý qua tiếp công dân			
	Số cá nhân vi phạm bị xử lý qua tiếp công dân	cá nhân		
<b>II</b>	<b>Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNNTC thuộc thẩm quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội</b>			
<b>I</b>	<b>Kết quả công tác tiếp công dân</b>			
1.1	Số cuộc tiếp định kỳ	cuộc		
1.2	Số cuộc tiếp đột xuất	cuộc		
1.2	Số lượt người đã tiếp	lượt		
1.3	Số vụ việc đã tiếp	vụ		
1.4	Số đoàn đồng người đã tiếp	đoàn		
1.5	Số cuộc đối thoại, vận động đã thực hiện	cuộc		
1.6	Số vụ việc KNNTC được giải quyết dứt điểm sau đối thoại với người KNNTC	vụ		
1.7	Số vụ việc KNNTC đã được chỉ đạo giải quyết nhưng vẫn còn KNNTC	vụ		nêu rõ lý do
2	<b>Kết quả xử lý, giải quyết hoặc chỉ đạo xử lý, giải quyết KNNTC</b>			
2.1	Tổng số đơn đã tiếp nhận			

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng cộng	Ghi chú
2.2	Số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
2.3	Số đơn lưu (do có nội dung trùng lặp, đơn nặc danh, mạo danh, đơn đã được cơ quan chức năng trả lời...).	đơn		
2.4	Số đơn hướng dẫn gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	đơn		
2.5	Số đơn chưa xử lý	đơn		nêu rõ lý do
<b>3</b>	<b>Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC</b>			